

Bản án số: 148/2021/HS-PT
Ngày 16 tháng 3 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 745/2020/TLPT-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thị T do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 457/2020/HS-ST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Trần Thị T; giới tính: nữ; sinh năm 1977 tại tỉnh Hà Nam; nơi đăng ký thường trú: Xóm 15, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: 157/6 đường L, ấp T1, xã T2, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Trần Thế N1 và bà Nguyễn Thị K1; hoàn cảnh gia đình: chưa có chồng con;

Tiền án:

- Ngày 08/10/1999, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (bản án số 2341/HSST); chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/10/2004; đã nộp tiền phạt 1.000.000đ còn phải nộp 19.000.000đ tiền phạt và 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm (Bút lục 145-148, 152, 156, 161);

- Ngày 22/6/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (bản án số 206/2007/HSST); chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 02/02/2018, chưa thi hành xong khoản án phí và tiền phạt (Bút lục 127-135,158-161);

Tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: 23/12/2019;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Nguyễn Quốc T3, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 00 phút ngày 23/12/2019, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Công an xã T2, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra hành chính xe ô-tô biển số 51A-288.74 đang dừng ở sân nhà số 157/6 đường L, xã T2, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, thì phát hiện: Trần Thị T đang ngồi ở vị trí ghế lái xe; tại vị trí ghế ngồi phụ, cạnh ghế của T có 01 gói nylon màu trắng chứa tinh thể không màu. Lực lượng công an đã thu giữ gói nylon vừa nêu. Theo kết quả giám định, thì tinh thể không màu vừa nêu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 974,20g, loại Methamphetamine.

T khai nhận rằng số ma túy vừa nêu là của T mang đi bán cho người khác nhưng chưa bán được.

Vào thời điểm khám xét xe ô-tô, trong xe còn có Nguyễn Thị Hồng G và Nguyễn Văn H (là di, dựng của T) đang ngồi ở băng ghế phía sau. G và H khai không liên quan gì đến số ma túy đã đề cập.

Lực lượng công an tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại nhà số 157/6 đường L, xã T2, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện và thu giữ tại đây:

- Trên nóc tủ quần áo phía bên phải hướng cầu thang đi lên, có 01 túi vải đề chữ “THU HONG”, bên trong chứa 01 bọc nylon màu cam có 01 khối hình chữ nhật, chứa chất bột màu trắng. Theo kết quả giám định, thì chất bột màu trắng vừa nêu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 348,44g, loại Heroine.

- Bên trái hướng cầu thang đi lên trên sàn nhà trong phòng ngủ, có 01 túi giấy bên trong chứa 02 bọc nylon màu vàng có đề chữ “GUAN YIN WANG”,

bên trong chứa chất tinh thể không màu. Theo kết quả giám định, tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 1.968,54g, loại Methamphetamine.

Toàn bộ khối lượng ma túy, loại ma túy đã đề cập ở phần trên được xác định theo Kết luận giám định số 79/KLGD-H ngày 31/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục 32, 33, 34, 40, 41, 54).

Ngoài số ma túy đã nêu, Cơ quan điều tra còn thu giữ của T:

- 01 xe ô-tô Ford mang biển số 51A-288.74;
- 01 xe Honda SH mang biển số 52T5-4177;
- 01 cân điện tử;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, kèm 01 sim card;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, kèm 01 sim card;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng, kèm 01 sim card;
- 01 túi giấy có đề chữ “Trường cao đẳng giao thông vận tải đường bộ”.

Trong quá trình điều tra, T khai nhận như sau:

Vào khoảng tháng 09/2019, T quen biết với một người đàn ông tên T4 (không rõ lai lịch) và biết được T4 mua bán ma túy ở khu vực Quốc lộ 22, thuộc địa bàn huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. T xin số điện thoại của T4 để khi cần mua ma túy thì sẽ liên lạc với T4. Tháng 10/2019, T bắt đầu mua ma túy của T4 để bán lại cho người khác nhằm hưởng lợi. T mua của T4 01kg ma túy đá (Methamphetamine) với giá 280.000.000đ; còn Heroine thì mua với giá 200.000.000đ/bánh; đôi bên thống nhất với nhau là T mua ma túy của T4, khi nào T bán hết ma túy thì T sẽ trả tiền cho T4. T mua ma túy của T4, mang về cất giấu trong phòng ngủ của T tại nhà số nhà 157/6 đường L, xã T2, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, T phân chia ma túy thành các gói nhỏ, bán lại cho những người không rõ lai lịch. Trong số người mua ma túy của T, có 01 người tên T5 và 01 người tên V ở khu vực huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ đầu tháng 10/2019 đến thời điểm bị bắt, T đã 03 lần mua ma túy của T4, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 10/2019, T điện thoại cho T4 hỏi mua 200g ma túy đá. T4 và T hẹn gặp nhau trên Quốc lộ 22, ở địa bàn huyện Củ Chi để giao nhận ma túy. Sau khi nhận ma túy do T4 giao, T mang về nhà mở ra xem thấy T4 đã phân chia 200g ma túy đá thành 02 phần đựng trong 02 gói

nylon. Đồng thời, T nhận được điện thoại của V hỏi mua 200g ma túy đá; T báo giá là 30.000.000đ/100g; V đồng ý mua. Sau đó, V và T gặp nhau ở khu vực C, xã B, huyện Củ Chi để giao dịch. Trong vụ việc này, T thu lợi 4.000.000đ.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 11/2019, T5 liên lạc với T hỏi mua 300g ma túy đá, T báo giá 30.000.000đ/100g, T5 đồng ý mua. Do không có sẵn ma túy nên T điện thoại cho T4, đặt mua của T4 300g ma túy đá với giá 28.000.000đ/100g. Sau khi nhận ma túy do T4 giao, T mang bán lại cho T5. Trong vụ việc này, T thu lợi 6.000.000đ.

Lần thứ ba: Vào ngày 16/12/2019, T mua của T4 3kg ma túy đá với giá 280.000.000đ/kg và 01 bánh Heroine với giá 200.000.000đ/bánh. Sau đó, T mang ma túy về nơi ở và cất giấu trong phòng ngủ của T. Đến 21 giờ ngày 23/12/2019, T đang ở nhà thì T5 gọi điện thoại cho T đặt mua 01kg ma túy. T báo giá 290.000.000đ/01kg, T5 đồng ý mua và hẹn giao dịch tại khu vực C, xã B, huyện Củ Chi. Sau khi thỏa thuận với T5, T lấy 01kg ma túy đá bỏ vào trong hộp giấy và để trên ghế phụ cạnh ghế tài xế xe ô-tô mang biển số 51A-288.74. Sau đó, T vào nhà rủ Nguyễn Thị Hồng G và Nguyễn Văn H (là dì, dưỡng của T) cùng đi ăn và ghé thăm mẹ đẻ của T tại khu vực ngã Ba Bầu, huyện Hóc Môn. T lái xe gần đến địa điểm đã hẹn với T5, thì T5 gọi điện thoại cho T cho biết là chưa có đủ tiền mua ma túy. Do vậy, T nói với G và H rằng mẹ của T đã ngủ; đồng thời, T lái xe ô-tô quay về chỗ ở của T tại địa chỉ 157/6 đường L, ấp T1, xã T2, huyện Củ Chi. Khi vừa về đến nơi, thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy đã nêu (Bút lục 32, 33, 34, 177, 178, 179, 180). Ông H và bà G không biết việc T giấu ma túy trên xe và mang ma túy đi bán.

Ông H và bà G khai phù hợp với lời khai của T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 457/2020/HS-ST ngày 18/11/2020 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 329, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo **Trần Thị T** tử hình về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; phạt bổ sung 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về áp dụng các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, các đồ vật thu giữ, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/11/2020, bị cáo Trần Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là nặng và bị cáo có bác ruột Trần Thế T6 là liệt sĩ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị T vẫn giữ nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng, bị cáo, luật sư tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T đặt ra khi bị bắt bị cáo bị hoăng loạn nên bị cáo đã khai có chứa ma túy để đem ma túy bán cho người khác. Ngày 23/12/2019 bị cáo bị bắt, các lần hỏi cung vào tháng 7/2020 có luật sư tham gia và 02 lần có Kiểm sát viên tham gia, bị cáo đều thừa nhận mua ma túy để bán. Thời gian xa so với lúc bị bắt. Bị cáo có hai bản tự khai do chính bị cáo viết đều thừa nhận hành vi phạm tội và bị cáo đã bị 02 lần xét xử về tội về ma túy. Bị cáo thay đổi lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm không có căn cứ. Điều đó thể hiện bị cáo không có ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo. Tội danh và hình phạt từ hình Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Người bào chữa chỉ định của bị cáo - Luật sư Nguyễn Quốc T3 trình bày:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, khai báo của bị cáo, tranh luận của Viện kiểm sát thì thấy: Những lời khai, biên bản tự khai của bị cáo, cơ quan tố tụng không thể dựa vào lời khai để buộc tội bị cáo. Bị cáo có lấy ma túy của T4 để bán cho T5 và V hay không, cơ quan tiến hành tố tụng không bắt được T5 và V. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sự thành khẩn khai báo của bị cáo tại cơ quan điều tra và gia đình có cung cấp hồ sơ liệt sĩ của bác bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và Điều 54 Bộ luật hình sự để tuyên mức hình phạt thấp nhất dưới khung hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo trình bày: Thống nhất ý kiến của luật sư bảo vệ cho bị cáo trình bày. Bị cáo khi ký vào tờ khai, bị cáo muốn luật sư của bị cáo chứ không phải luật sư do cơ quan điều tra chỉ định. Tội danh không phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia tranh luận: Quan điểm về đánh giá chứng cứ nên Kiểm sát viên không tranh luận. Tuy nhiên, luật sư trình bày gia đình bị cáo có bổ sung giấy tờ có bác là liệt sĩ thì đây không phải là tình tiết giảm nhẹ để thay đổi hình phạt từ tử hình xuống chung thân. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo khai bị cáo chỉ cất giữ ma túy cho T4, khi T4 có yêu cầu thì bị cáo mang ma túy giao cho người khác; bị cáo không biết T4 mua bán ma túy. Biên bản ngày 02/7/2020 khi có luật sư S tham gia thì không có chữ ký của bị cáo nhưng các biên bản khác có chữ ký của bị cáo và luật sư, bị cáo thừa nhận việc phạm tội là lấy ma túy của T4 để bán. Cấp sơ thẩm không có vi phạm thủ tục tố tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin xem xét tội danh. Lúc bị cáo bị bắt, bị cáo không có mua bán ma túy cho ai. Bị cáo có cất giữ ma túy nhưng chưa bán cho ai. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Thị T thừa nhận số lượng ma túy như nội dung án sơ thẩm:

Vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy ở thể rắn, loại Heroine và Methamphetamine. Những người mua bán ma túy với bị cáo đều là những người không rõ lai lịch.

Vào ngày 23/12/2019, ở sân nhà số 157/6 đường L, xã T2, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, lực lượng công an bắt quả tang, thu giữ của bị cáo 974,20g Methamphetamine đang để trên xe ô-tô do bị cáo sử dụng. Khi thực hiện việc khám xét khẩn cấp nhà số 157/6 đường L, xã T2, huyện Củ Chi (nhà của mẹ bị cáo và cũng là nơi ở của bị cáo), lực lượng công an tiếp tục thu giữ được của bị cáo 348,44g Heroine và 1.968,54g loại Methamphetamine.

Bị cáo mua số ma túy đã nêu của một người tên T4 (không rõ lai lịch) để nhằm bán cho người khác.

[2] Bị cáo khai rằng bị cáo chỉ cất giữ ma túy cho T4, khi T4 có yêu cầu thì bị cáo mang ma túy giao cho người khác; bị cáo không biết T4 mua bán ma túy; vào ngày 23/12/2019, bị cáo chưa mang ma túy ra khỏi nhà. Lúc bị bắt, bị cáo không bán ma túy cho ai.

Nội dung mà bị cáo khai trình như đã nêu là mâu thuẫn với nội dung mà bị cáo khai trình trong quá trình điều tra, không phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập, kết quả giám định và những người liên quan trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thị T và đề nghị của luật sư bào chữa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thị T về tội “Mua bán trái pháp chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

[3.2] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương, mặt khác nó còn là nguyên nhân làm cho tệ nạn ma túy ngày càng gia tăng, là nguồn gốc phát sinh ra các loại tội phạm khác.

Bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với khối lượng ma túy mua bán là đặc biệt lớn, bao gồm: 348,44g Heroine và 2.942,74g Methamphetamine.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, có bác là Trần Thế T6 là liệt sĩ và tại phiên tòa, gia đình bị cáo có cung cấp tài liệu có bác là liệt sĩ. Tình tiết này thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cũng không đủ căn cứ để Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Số lượng ma túy bị cáo mua bán rất lớn. Bị cáo là người có nhân thân không tốt, đã 02 lần bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh đề nghị.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo Trần Thị T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị T. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 329, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo **Trần Thị T** tử hình về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; phạt bổ sung 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo việc thi hành án.

2. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 457/2020/HS-ST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Trần Thị T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bị cáo được quyền làm đơn xin ân giảm án tử hình gửi Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- CA Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam CA Thành phố Hồ Chí Minh (Đề tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu (Án - Duan/Trúc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương